

**CÔNG TY TNHH TM DV THIẾT KẾ XÂY DỰNG TIẾN AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM DV THIẾT KẾ XÂY DỰNG TIẾN AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703158677

**3. Ngày thành lập:** 03/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 385/24, Đường Lê Hồng Phong, Khu Phố 8, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0904053587

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330     |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                   | 4390     |
| 4.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                   | 4511     |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác    | 4530     |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy                                                     | 4541     |
| 7.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                 | 4543     |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                    | 4649     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                       | 4659     |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                   | 4662     |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng               | 4663     |
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                     | 4669     |
| 13. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                   | 7110     |
| 14. | Quảng cáo                                                             | 7310     |
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                        | 7410     |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ                                                | 7710     |
| 17. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                       | 0810     |
| 18. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                        | 1610     |
| 19. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                     | 1621     |
| 20. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                               | 1622     |
| 21. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                               | 1623     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                | 1629        |
| 23. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                                     | 2012        |
| 24. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592        |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931        |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932        |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933        |
| 28. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224        |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                     | 5229        |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730        |
| 31. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                      | 7830        |
| 32. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                       | 8129        |
| 33. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100        |
| 34. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312        |
| 35. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                  | 3313        |
| 36. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314        |
| 37. | Xây dựng nhà ở                                                                                                                                                          | 4101(Chính) |
| 38. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211        |
| 39. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212        |
| 40. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299        |
| 41. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 42. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 43. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 44. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: **VŨ THỊ TUYẾT NGÀ**

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *04/03/1981* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *079181001826*

Ngày cấp: *23/04/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *138 lô C khu Mã Lạng Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *138 lô C khu Mã Lạng Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ THỊ TUYẾT NGÀ**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Chủ tịch công ty kiêm giám đốc*

Sinh ngày: *04/03/1981* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *079181001826*

Ngày cấp: *23/04/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *138 lô C khu Mã Lạng Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *138 lô C khu Mã Lạng Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

## 9. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương**